

Số: 31. -2017/CV-CBTT/HALCOM

V/v: Đính chính lại báo cáo tài  
chính quý 3 năm 2016

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG**
- Mã chứng khoán: HID
- Địa chỉ Trụ sở chính: Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 35 624 709 Fax: (84-4) 35 627 11
- Người thực hiện công bố thông tin:  
Họ và tên: Lê Thành Đồng Chức vụ: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc tài chính  
Địa chỉ: Số nhà 346 Hà Huy Tập, Thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh  
Điện thoại: 04 35624709

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

6. Nội dung thông tin công bố:

Đính chính số liệu trên báo cáo quý 3 năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31/12/2016.

Do nhầm lẫn trong khi đánh máy, in ấn nên chúng tôi đã bị sai số trong báo cáo quý 3 năm tài chính 2016, chúng tôi xin gửi lại bảng đính chính lại số liệu như sau:

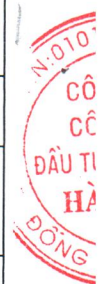
**I. Báo cáo tài chính riêng quý 3 năm tài chính 2016 từ ngày 01/04/2016 đến 31/12/2016.**

**Bảng kết quả kinh doanh**

Chỉ tiêu	Lũy kế năm nay (số liệu đã công bố)	Lũy kế năm nay (số đính chính lại)
Doanh thu hoạt động tài chính	1.366.583.077	1.370.654.524
Chi phí tài chính	227.864.099	155.775.529
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.913.361.113	7.916.278.514
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	20.222.653.425	20.295.896.041
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.139.558.826	20.212.801.442
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.027.911.765	4.042.560.288
Lợi nhuận sau thuế TNDN	16.111.647.061	16.170.241.154

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Chỉ tiêu	9 tháng đầu năm 2016 (số liệu đã công bố)	9 tháng đầu năm 2016 (số đính chính lại)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	20.139.558.826	20.212.801.442
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	1.366.583.077	(1.370.654.524)
Chi phí lãi vay	(79.893.749)	79.893.749
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	21.682.377.485	19.178.169.998
Tăng, giảm các khoản phải trả	16.398.303.616	19.062.298.601
Tiền lãi vay đã trả	79.893.749	(79.893.749)
	9 tháng đầu năm 2015 (số liệu đã công bố)	9 tháng đầu năm 2015 (số đính chính lại)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5.945.739.522	(5.945.739.522)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	17.703.909.192	5.812.430.148
Tăng, giảm các khoản phải trả	(11.652.202.327)	239.276.717



**II. Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm tài chính 2016 từ ngày 01/04/2016 đến 31/12/2016.**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

Chỉ tiêu	31/12/2016 (số liệu đã công bố)	31/12/2016 (số đính chính lại)
Phải thu dài hạn khác	0	160.000.000.000

**Bảng kết quả kinh doanh**

Chỉ tiêu	Lũy kế năm nay (số liệu đã công bố)	Lũy kế năm nay (số đính chính lại)
Doanh thu	217.763.268.743	216.208.723.289
Giá vốn	190.659.396.433	189.337.799.370
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.103.872.310	26.870.923.919
Doanh thu hoạt động tài chính	1.370.812.891	674.885.658

Chi phí tài chính	2.421.220.609	1.589.573.313
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>79.893.749</i>	<i>1.122.969.127</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.511.257.477	8.625.913.333
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	17.542.207.115	17.330.322.931
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.135.928.244	18.924.044.060
Chi phí thuế TNDN	4.027.911.765	4.042.560.288
Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.583.030.870	14.881.483.772
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	9.674.270.013	14.982.874.906
Lợi nhuận sau thuế cổ đông không kiểm soát	(91.239.143)	(101.391.134)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	322	490

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Chi tiêu	9 tháng đầu năm 2016 (số liệu đã công bố)	9 tháng đầu năm 2016 (số đính chính lại)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	19.135.928.244	18.924.044.060
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	1.370.812.891	(674.885.658)
Chi phí lãi vay	79.893.749	1.122.969.127
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	23.172.800.445	21.958.293.090
Tăng, giảm các khoản phải trả	13.492.421.512	15.214.780.722
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	38.089.228.878	39.640.156.111
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.370.812.891	674.885.658
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	(25.774.899.342)	(26.470.826.575)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	3.004.329.536	3.859.329.536
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5.582.414.279	6.437.414.279

7. Địa chỉ website đăng tải công bố thông tin về việc đính chính lại báo cáo tài chính quý 3 năm tài chính 2016: [www.halcom.vn](http://www.halcom.vn) – Mục “Tin Tức” – “Thông tin Cổ phiếu – Cổ Đông”.

1387  
TY  
HẠN  
TỰ  
ONG  
I - T.P

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: FA

**Người thực hiện công bố thông tin**



**Lê Thành Đồng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
TƯ VẤN HÀ LONG**

**Báo cáo tài chính quý III năm tài chính 2016 từ ngày 01/04/2016  
đến 31/12/2016**



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 - 2
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	3 – 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	6
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	7 - 25

Ban Tổng Giám đốc hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long (dưới đây được gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Thăng Long (chuyển đổi từ Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101143879 ngày 02 tháng 07 năm 2001 và được chuyển đổi thành công ty cổ phần từ ngày 02 tháng 07 năm 2007. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 05 tháng 08 năm 2015, tên công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long.

Công ty có trụ sở tại: Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Công ty đã niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hồ Chính Minh (HOSE) với mã chứng khoán là HID

Trong 9 tháng đầu năm 2016, hoạt động chính của Công ty là thương mại và cung cấp dịch vụ tư vấn.

### 2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ kế toán và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Huân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trần Đình Khai	Ủy viên
Ông Phùng Ngọc Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Lâm	Ủy viên
Ông Đoàn Ngọc Hiếu	Ủy viên

#### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Trần Thị Lan	Trưởng ban kiểm soát
Ông Trần Bắc Mỹ	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Trọng	Ủy viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Huân	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13.06.2016)

#### Người đại diện theo pháp luật

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Huân	Tổng Giám đốc

### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/04/2016 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>49.616.497.884</b>	<b>39.636.755.815</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>3.265.534.362</b>	<b>2.365.490.156</b>
Tiền	111		3.085.534.362	2.365.490.156
Các khoản tương đương tiền	112		180.000.000	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>35.978.972.838</b>	<b>30.733.591.564</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	26.450.163.795	16.107.755.095
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.048.292.102	3.899.422.400
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5.1	2.440.000.000	1.610.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	6.355.799.998	9.431.697.126
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(315.283.057)	(315.283.057)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>9.623.870.574</b>	<b>5.707.745.962</b>
Hàng tồn kho	141	5.7	9.623.870.574	5.707.745.962
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>748.120.110</b>	<b>829.928.133</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	748.120.110	829.928.133
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>322.765.555.385</b>	<b>298.631.220.099</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>238.417.831.061</b>	<b>240.159.444.444</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5.2	78.417.831.061	80.159.444.444
Phải thu dài hạn khác	216	5.6	160.000.000.000	160.000.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>273.237.825</b>	<b>386.828.733</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	273.237.825	386.828.733
Nguyên giá	222		1.558.502.597	1.558.502.597
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.285.264.772)	(1.171.673.864)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>83.774.486.499</b>	<b>57.784.946.922</b>
Đầu tư vào công ty con	251		40.000.000.000	49.300.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.300.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		41.246.078.000	9.114.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(771.591.501)	(629.053.078)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>
Tài sản dài hạn khác	268		300.000.000	300.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>372.382.053.269</b>	<b>338.267.975.914</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/04/2016 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>34.039.517.116</b>	<b>16.037.086.822</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>34.039.517.116</b>	<b>16.037.086.822</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	21.293.857.421	3.930.761.807
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	1.858.583.576	1.690.366.125
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	8.059.002.419	6.047.961.122
Phải trả người lao động	314		19.581	368.792.291
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	24.907.818	552.955.273
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	1.717.671.530	837.824.913
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	1.000.000.000	2.500.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		85.474.771	108.425.291
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>338.342.536.153</b>	<b>322.230.889.092</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.16	<b>338.342.536.153</b>	<b>322.230.889.092</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		316.066.210.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		316.066.210.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		636.587.297	636.587.297
Cổ phiếu quỹ	415		(51.798.297)	(51.798.297)
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.462.410.602	1.462.410.602
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.229.126.551	20.183.689.490
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.866.109.616	6.866.109.616
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.363.016.935	13.317.579.874
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>372.382.053.269</b>	<b>338.267.975.914</b>



**LÊ ANH TUẤN**  
 Người lập biểu



**LÊ THÀNH ĐỒNG**  
 Kế toán trưởng




**NGUYỄN QUANG HUÂN**  
 Tổng Giám đốc  
 TP. Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động từ 01/04/2016 đến 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III năm tài chính		Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này Từ 01/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/04/2015 đến 31/12/2015
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	59.094.751.348	3.816.236.357	200.440.590.394	99.498.720.335
Trong đó: Doanh thu hàng xuất khẩu						
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (01-02)	10		59.094.751.348	3.816.236.357	200.440.590.394	99.498.720.335
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	50.103.200.956	2.633.018.262	173.443.294.834	94.110.783.220
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		8.991.550.392	1.183.218.095	26.997.295.560	5.387.937.115
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	501.664.971	359.592.232	1.370.654.524	5.945.739.522
7 Chi phí tài chính	22	VI.4.	37.333.333	658.154.723	155.775.529	686.195.276
Trong đó: Chi phí lãi vay			37.333.333	-	79.893.749	-
8 Chi phí bán hàng	25				-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.036.937.631	2.499.504.238	7.916.278.514	6.634.443.363
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		7.418.944.399	(1.614.848.634)	20.295.896.041	4.013.037.998
11 Thu nhập khác	31		-	7.497.715.241	25.981.651	7.793.178.671
12 Chi phí khác	32		103.506.864	116.637.896	109.076.250	161.637.907
13 Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(103.506.864)	7.381.077.345	(83.094.599)	7.631.540.764
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.315.437.535	5.766.228.711	20.212.801.442	11.644.578.762
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.463.087.507	1.551.470.965	4.042.560.288	2.844.707.976
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		5.852.350.028	4.214.757.746	16.170.241.154	8.799.870.786

Người lập biểu



Lê Anh Tuấn

Kế toán trưởng



Lê Thành Đồng

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2017  
**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG**



Tổng giám đốc



Nguyễn Quang Huân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

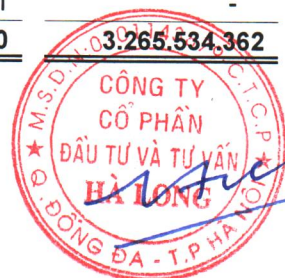
(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	9 tháng đầu năm 2016 VND	9 tháng đầu năm 2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	01	<b>20.212.801.442</b>	<b>11.644.578.762</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	113.590.908	113.590.908
Các khoản dự phòng	03	142.538.423	-
Lãi, lỗ CLTG hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.370.654.524)	(5.945.739.522)
Chi phí lãi vay	06	79.893.749	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	<b>19.178.169.998</b>	<b>5.812.430.148</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(5.245.381.274)	(5.174.395.050)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.916.124.612)	1.640.404.219
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	19.062.298.601	239.276.717
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	81.808.023	(964.562.944)
Tiền lãi vay đã trả	14	(79.893.749)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.404.355.220)	(1.922.280.310)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(167.608.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>27.676.521.767</b>	<b>(536.736.020)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(160.000.000.000)
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(100.000.000)	(83.059.444.444)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	891.613.383	3.200.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(32.132.078.000)	(16.594.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	6.000.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	63.987.056	119.793.435
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(25.276.477.561)</b>	<b>(256.333.651.009)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	246.300.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	-	1.600.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.500.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.500.000.000)</b>	<b>247.900.000.000</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>900.044.206</b>	<b>(8.970.387.029)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>2.365.490.156</b>	<b>9.555.861.833</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(28.040.553)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>3.265.534.362</b>	<b>557.434.251</b>

LÊ ANH TUẤN  
Người lập biểu

LÊ THÀNH ĐÔNG  
Kế toán trưởng



NGUYỄN QUANG HUÂN  
Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2017

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Thăng Long (chuyển đổi từ Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101143879 ngày 02 tháng 07 năm 2001 và được chuyển đổi thành công ty cổ phần từ ngày 02 tháng 07 năm 2007. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 05 tháng 08 năm 2015, tên công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long.

Công ty có trụ sở tại: Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: **316.066.210.000 đồng** (Bằng chữ: Ba trăm mười sáu tỷ, không trăm sáu sáu triệu hai trăm mười nghìn đồng). Tổng số cổ phần là 31.606.621 cổ phần và mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty đã niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là HID.

Công ty có 01 công ty con và 01 chi nhánh, bao gồm:

#### **Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành**

Địa chỉ: Đông Côi, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

#### **Chi nhánh: Chi nhánh miền Tây, Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long**

Địa chỉ: 272K đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là buôn bán vật liệu và cung cấp dịch vụ tư vấn.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San nền đối với công trình xây dựng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Buôn bán thiết bị cấp, thoát nước và thiết bị phục vụ môi trường;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Buôn bán bất động sản; Đầu tư phát triển các công trình cơ sở hạ tầng;
- Hoạt động tư vấn quản lý
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ ngành nước và môi trường;

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

---

- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ chưa phân vào đầu. Chi tiết: - Khảo sát, điều tra xã hội học, lập kế hoạch đền bù tài định cư và đánh giá tác động môi trường các dự án; - Tư vấn chuyển giao công nghệ.

Trong 9 tháng đầu năm 2016, hoạt động chính của Công ty là thương mại và cung cấp dịch vụ tư vấn.

### 1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### 1.5 Số lượng nhân viên

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng số nhân viên của Công ty là 34 người (vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 là 37 người).

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm sau.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.4 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

##### **a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

##### **b. Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

##### **c. Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

###### **Công ty con**

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

###### **Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 4.7 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.



Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **4.8 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

#### **4.9 Các khoản nợ phải trả**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

#### **4.10 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay**

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

#### **4.11 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

#### **4.12 Tiền lương**

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

#### **4.13 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn**

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn như sau:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tổng quỹ lương cơ bản vào chi phí là 18% và trích từ lương người lao động là 8%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 3% và trích từ lương người lao động là 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 1% và trích từ lương người lao động là 1%.
- Ngoài ra, Công ty còn trích kinh phí Công đoàn 2% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội.

#### **4.14 Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

#### **4.15 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông quyết định và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### **4.16 Doanh thu**

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở:*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**4.17 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán. Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**4.18 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**4.19 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

---

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

### 4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Hiện tại, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

### 4.14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

### 4.15 Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 4.16 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - ghi nhận ban đầu và trình bày

#### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính bao gồm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ ký cược.

#### Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính bao gồm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG**

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm: các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại chưa có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4.17 Các bên có liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

<b>Công ty / đối tượng</b>	<b>Quan hệ</b>
Công ty Cổ phần nước Thuận Thành	Công ty con
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	Quản lý chủ chốt

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1 Tiền**

	<b>31/12/2016</b>	<b>01/04/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt tồn quỹ	446.143.871	86.455.981
Tiền gửi ngân hàng	2.639.390.491	2.279.034.238
Các khoản tương đương tiền	180.000.000	-
	<b><u>3.265.534.362</u></b>	<b><u>2.365.490.156</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG**

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

	31/12/2016			01/04/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>40.000.000.000</b>		<b>40.000.000.000</b>	<b>49.300.000.000</b>	<b>(629.053.078)</b>	<b>48.670.946.922</b>
Công ty CP Hòa Long				9.300.000.000	(629.053.078)	8.670.946.922
Công ty CP Nước Thuận Thành	40.000.000.000	-	40.000.000.000	40.000.000.000	-	40.000.000.000
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>41.246.078.000</b>	<b>-</b>	<b>41.246.078.000</b>	<b>9.114.000.000</b>	<b>-</b>	<b>9.114.000.000</b>
Công ty CP Đầu tư dầu khí Mê Kông	9.114.000.000	-	9.114.000.000	9.114.000.000	-	9.114.000.000
Công ty Cổ Phần Lắp Máy Hồng Ngọc	13.595.000.000	-	13.595.000.000	-	-	-
Công ty Cổ Phần Điện Máy Khang Long	17.618.500.000	-	17.618.500.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư TPP Việt Nam	918.578.000	-	918.578.000	-	-	-
	<b>81.246.078.000</b>	<b>0</b>	<b>81.246.078.000</b>	<b>58.414.000.000</b>	<b>(629.053.078)</b>	<b>57.784.946.922</b>

Tên công ty con	Nơi thành lập hoặc đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP Nước Thuận Thành	Bắc Ninh	90,91%	90,91%	Sản xuất gạch, ngói

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG**

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5.3 Phải thu khách hàng**

	31/12/2016 VND	01/04/2016 VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Công ty CP Đầu tư phát triển điện Bắc Bình	305.401.501	1.921.810.286
Công ty CP M.A.M Việt Nam	-	4.548.386.617
Công ty CP Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	-	3.992.465.887
Công ty TNHH Econet Engineering	-	750.640.028
BQL Đầu tư xây dựng công trình dân dụng tỉnh Lạng Sơn	1.676.887.013	1.369.158.042
BQLDA phát triển toàn diện KTXH TP. Việt Trì	2.304.156.632	1.327.835.019
Công ty Cổ phần Hưng Cơ	19.668.667.326	
Các khách hàng khác	2.495.051.323	2.197.459.216
	<b>26.450.163.795</b>	<b>16.107.755.095</b>

**5.4 Trả trước cho người bán**

	31/12/2016 VND	01/04/2016 VND
<b>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>570.000.000</b>	-
Công ty CP Nước Thuận Thành	570.000.000	-
<b>Trả trước cho các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.048.292.102</b>	<b>3.899.422.400</b>
Công ty CP Đầu tư dầu khí Mê Kông	-	2.300.600.000
Các tổ chức, cá nhân khác	1.048.292.102	1,598,822,400
	<b>1.048.292.102</b>	<b>3.899.422.400</b>

**5.5 Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn, dài hạn****5.5.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	01/04/2016 VND
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>2.240.000.000</b>	<b>1.610.000.000</b>
Chương trình nước và vệ sinh cho các thị trấn Việt Nam, giai đoạn bền vững (i)	2.240.000.000	1.610.000.000
	<b>2.240.000.000</b>	<b>1.610.000.000</b>

(i) Là khoản cho Ban chương trình nước và vệ sinh cho các thị trấn ở Việt Nam vay, với mục đích sử dụng là thực hiện phần hoàn trả của dự án, lãi suất 0%/năm. Trả nợ khi thực hiện xong dự án.

**5.5.1 Phải thu về cho vay dài hạn**

	30/09/2016 VND	01/04/2016 VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty CP Nước Thuận Thành vay (i)	70.000.000.000	70.000.000.000
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Công ty CP Hạ tầng THPT Việt Nam (ii)	8.417.831.061	10.159.444.444
	<b>78.417.831.061</b>	<b>80.159.444.444</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG**

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

- (i) Theo hợp đồng số 1506/2015/HALCOM, Công ty cho Công ty CP Nước Thuận Thành vay số tiền 70 tỷ đồng từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 07 năm 2020 với lãi suất cố định 2%/năm. Khoản vay dùng để đầu tư giai đoạn 2 Nhà máy Nước Thuận Thành, nâng công suất lên 12.000m<sup>3</sup>/ ngày đêm.
- (ii) Khoản hợp tác đầu tư theo hợp đồng số 04/HDUTDT ngày 15 tháng 6 năm 2015. Theo đó, Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long hợp tác đầu tư với Công ty CP Hạ tầng THPT Việt Nam với số tiền 10 tỷ đồng, lợi nhuận cố định là 2%/năm trên số tiền hợp tác đầu tư trong thời hạn 3 năm. Số tiền lãi phát sinh được thu vào cuối thời hạn của hợp đồng hợp tác đầu tư. Do đó, tại mỗi kỳ báo cáo, Công ty ghi nhận trước số tiền lãi ước tính tương ứng.

**5.6 Các khoản phải thu khác**

	31/12/2016		01/04/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>6.355.799.998</b>	-	<b>9.431.697.126</b>	-
Tạm ứng	532.790.708	-	578.681.494	-
Ký quỹ, ký cược	476.068.613	-	1.741.913.900	-
Phải thu khác	7.786.940.677	-	7.111.101.732	-
- Công ty CP Hòa Long (i)	1.010.026.500	-	1.007.916.000	-
- Công ty CP Thương mại dịch vụ và đầu tư Phú Hòa (ii)	2.500.000.000	-	5.000.000.000	-
- Công ty CP Nước Thuận Thành	1.742.268.405	-	391.426.397	-
- Phải thu khác	94.645.772	-	711.759.335	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>160.000.000.000</b>	-	<b>160.000.000.000</b>	-
Công ty CP Nước Hưng Long (iii)	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư TPP Việt Nam (iv)	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
	<b>166.355.799.998</b>	-	<b>169.431.697.126</b>	-

- (i) Căn cứ hợp đồng số 18/2010/HĐCNCT ngày 26 tháng 06 năm 2010 và khoản 3 điều 2 phụ lục II ký ngày 5 tháng 9 năm 2013 giữa Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long và Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ và Đầu tư Phú Hòa do không hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng tiến độ để bàn giao cho Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long nên hai bên cùng thỏa thuận chấm dứt hợp đồng số 18/2010/HĐCNCT. Ngày 21 tháng 10 năm 2015, Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ và Đầu tư Phú Hòa chấp nhận thanh toán 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng) tiền phạt do vi phạm hợp đồng.
- (ii) Là khoản tiền hợp tác kinh doanh với Công ty CP Nước Hưng Long theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05/2015/HĐKT ngày 10 tháng 07 năm 2015 về việc đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà máy cung cấp nước sạch tại thị trấn Lương Bằng, và khu vực lân cận huyện Kim Động tỉnh Hưng Yên. Thời gian hợp tác là 05 năm.
- (iii) Là khoản tiền Hợp tác đầu tư “Chuẩn bị đầu tư các dự án giao thông và xử lý nước thải theo hình thức PPP tại thành phố Cần Thơ”, giữa liên danh gồm Công ty Quản lý xây dựng và công nghệ thông tin (CMIT – Hàn Quốc) và Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long (Bên A) với Công ty CP Đầu tư TPP Việt Nam (Bên B). Hai bên thống nhất hình thành liên danh thực hiện hoạt động nghiên cứu tiền khả thi, nghiên cứu khả thi lập dự án đầu tư, đưa ra đề xuất đầu tư các dự án giao thông và xử lý nước thải tại thành phố Cần Thơ. Thời gian hợp tác là 03 năm.

**5.7 Hàng tồn kho**

	31/12/2016		01/04/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí SXKD dở dang	9.623.870.574	-	5.707.745.962	-
	<b>9.623.870.574</b>	-	<b>5.707.745.962</b>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG**

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	01/04/2016 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	748.120.110	829.928.133
	<b>748.120.110</b>	<b>829.928.133</b>

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Vào ngày 01/04/2016	1.514.545.454	43.957.143	1.558.502.597
Tăng trong kỳ	-	-	-
Vào ngày 31/12/2016	1.514.545.454	43.957.143	<b>1.558.502.597</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Vào ngày 01/04/2016	1.127.716.721	43.957.143	1.171.673.864
Khấu hao trong kỳ	113.590.908	-	75.727.272
Vào ngày 31/12/2016	1.241.307.629	43.957.143	<b>1.285.264.772</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 01/04/2016	386.828.733	-	386.828.733
Vào ngày 30/09/2016	273.237.825	-	<b>273.237.825</b>

**5.10 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2016		01/04/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>21.293.857.421</b>	<b>21.293.857.421</b>	<b>3.930.761.807</b>	<b>3.930.761.807</b>
Công ty Cổ phần Hưng Cơ			-	-
Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật quốc tế ITIC			3.089.342.318	3.089.342.318
Công ty CP Cơ khí và Công nghiệp Ánh Dương	21.102.744.115	21.102.744.115		
Các nhà cung cấp khác khác	191.113.306	191.113.306	841.419.489	841.419.489
	<b>21.293.857.421</b>	<b>21.293.857.421</b>	<b>3.930.761.807</b>	<b>3.930.761.807</b>

**5.11 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2016 VND	01/04/2016 VND
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>		
BQL DA Đầu tư XD các công trình Hạ tầng kỹ thuật đô thị	827.879.000	827.879.000
Tổng công ty Phát triển đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV	467.686.125	467.686.125
Ban Quản lý tiểu dự án Phát triển đô thị Vinh	-	394.801.000
Các khách hàng khác	563.018.451	-
	<b>1.858.583.576</b>	<b>1.690.366.125</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG**

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5.12 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/04/2016		Số phát sinh trong năm		31/12/2016	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	3.058.550.602	-	19.721.595.177	18.161.988.305	4.618.157.474	-
Thuế TNDN	2.726.743.779	-	4.038.941.765	3.596.000.264	3.169.685.280	-
Thuế TNCN	262.666.741	-	693.889.157	685.396.233	271.159.665	-
<b>Cộng</b>	<b>6.047.961.122</b>	<b>-</b>	<b>24.454.426.099</b>	<b>22.443.384.802</b>	<b>8.059.002.416</b>	<b>-</b>

**5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2016	01/04/2016
	VND	VND
Trích trước chi phí dự án Lào Cai	24.907.818	552.955.273
	<b>24.907.818</b>	<b>552.955.273</b>

**5.14 Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn**

	31/12/2016	01/04/2016
	VND	VND
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.717.671.530</b>	<b>837.824.913</b>
Kinh phí công đoàn	71.068.781	70.024.111
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.646.602.749	767.800.802
- Chương trình nước và các thị trấn ở Việt Nam	365.858.095	391.669.881
- Urban Integrated Consultants, INC (UICI)	332.887	-
- Cục thuế thành phố Hà Nội	167.887.615	167.887.615
- Phải trả, phải nộp khác	1.112.524.152	208.243.306
	<b>1.717.671.530</b>	<b>837.824.913</b>

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	01/04/2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
<b>Vay cá nhân</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
Nguyễn Minh Tuấn	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Ngô Thị Phương Quế (i)	500.000.000	1.500.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
	<b>2.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>

- (i) Khoản vay cá nhân Ngô Thị Phương Quế được ghi nhận theo từng hợp đồng vay với lãi suất 10%/năm, thời hạn vay dưới 03 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG**

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5.16 Vốn chủ sở hữu (“CSH”)**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/04/2015	54.550.000.000	567.097.000	(832.308.000)	1.462.410.602	7.176.109.616	62.923.309.218
Tăng vốn trong kỳ	245.450.000.000	69.490.297	-	-	-	245.519.490.297
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	4.585.133.040	4.585.133.040
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(310.000.000)	(310.000.000)
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	780.509.703	-	-	780.509.703
Số dư 30/09/2015	300.000.000.000	636.587.297	(51.798.297)	1.462.410.602	11.451.242.656	313.498.442.258
Số dư 01/10/2015	300.000.000.000	636.587.297	(51.798.297)	1.462.410.602	11.451.242.656	313.498.442.258
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	8.732.446.834	8.732.446.834
Số dư 31/03/2016	300.000.000.000	636.587.297	(51.798.297)	1.462.410.602	20.183.689.490	322.230.889.092
Số dư 01/04/2016	300.000.000.000	636.587.297	(51.798.297)	1.462.410.602	20.183.689.490	322.230.889.092
Tăng vốn trong kỳ	16.066.210.000	-	-	-	-	16.066.210.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	16.066.210.000	16.066.210.000
Giảm khác	-	-	-	-	58.594.093	58.594.093
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	16.170.241.154	16.170.241.154
Số dư 30/09/2016	316.066.210.000	636.587.297	(51.798.297)	1.462.410.602	20.229.126.551	338.342.536.153

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG**

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Cổ Phiếu**

	<b>31/12/2016</b>	<b>01/04/2016</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.606.621	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.606.621	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	31.606.621	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.641	5.641
- Cổ phiếu phổ thông	5.641	5.641
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.600.980	29.994.359
- Cổ phiếu phổ thông	31.600.980	29.994.359
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Doanh thu**

	<b>Quý III năm 2016</b>	<b>Quý III năm 2015</b>
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>59.094.751.348</b>	3.816.236.357
Doanh thu bán hàng hóa	55.051.006.989	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.043.744.359	3.816.236.357
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>59.094.751.348</b>	<b>3.816.236.357</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	<b>Quý III năm 2016</b>	<b>Quý III năm 2015</b>
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	48.162.752.955	
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.940.448.001	2.633.018.262
	<b>50.103.200.956</b>	<b>2.633.018.262</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Quý III năm 2016</b>	<b>Quý III năm 2015</b>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.664.971	359.592.232
Lãi từ hoạt động đầu tư	500.000.000	
	<b>501.664.971</b>	<b>359.592.232</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG**

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**6.4 Chi phí tài chính**

	Quý III năm 2016 VND	Quý III năm 2015 VND
Lãi tiền vay	37.333.333	-
Dự phòng đầu tư vào công ty con		658.154.723
	<u>37.333.333</u>	<u>658.154.723</u>

**6.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

		Quý III năm 2016 VND	Quý III năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	16.111.647.061	8.799.870.786
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	VND	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	16.111.647.061	8.799.870.786
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong kỳ	CP	31.606.621	17.816.967
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP	509	493

**7. CÁC THÔNG TIN KHÁC****7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan****Giao dịch với các bên liên quan**

	9 tháng đầu năm 2016 VND	9 tháng đầu năm 2016 VND
Mua hàng của Công ty CP Nước Thuận Thành	570.000.000	445.200.000
Tiền lãi cho Công ty CP Nước Thuận Thành vay	700.000.000	-

**Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên có liên quan như sau:**

	31/12/2016 VND	01/04/2016 VND
<b>Công ty CP Nước Thuận Thành</b>		
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	570.000.000	-
- Phải thu về cho vay dài hạn	70.000.000.000	70.000.000.000
- Phải thu ngắn hạn khác	1.742.268.405	391.426.397

**7.2 Báo cáo bộ phận**

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 Báo cáo bộ phận, Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về báo cáo bộ phận trên Báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.

**8. THÔNG TIN SO SÁNH**

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG**

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**9. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Lê Anh Tuấn**  
Người lập biểu



**Lê Thành Đồng**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN QUANG HUÂN**  
Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2017